|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM**  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  **\*\*\***   |  | | --- | | **ĐỀ CHÍNH THỨC** |   *(Đề có 01 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**  **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 12**  **Năm học 2023 – 2024**  **Thời gian làm bài: 90 phút**  *(không kể thời gian phát đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Nụ cười không tốn kém mà đem lại rất nhiều thứ.*

*Nụ cười không chỉ làm giàu người nhận mà cả người cho.*

*Nụ cười xuất hiện trong nháy mắt nhưng có thể để lại dấu ấn suốt đời.*

*Không ai giàu có mà thiếu nụ cười, người nghèo khổ sẽ trở nên giàu có hơn nhờ nụ cười. Nụ cười đem lại hạnh phúc trong gia đình, mang lại cảm hứng, thiện chí trong công việc và làm ấm áp thêm tình bạn.*

*Nụ cười là chốn nghỉ ngơi cho người mệt mỏi, là ánh sáng ban mai cho người nản chí, là tia nắng mặt trời cho người buồn tủi, là thuốc giải độc tốt nhất cho những hoài nghi, lo lắng và sợ hãi.*

*Nụ cười không thể mua, xin, vay mượn hay cướp đoạt, bởi vì nó chỉ có giá trị khi con người chân thành trao tặng cho nhau.*

*Và nếu như trong những phút mua sắm tất bật cuối cùng của bạn, nếu một vài nhân viên của chúng tôi quá mệt mỏi không nở nổi một nụ cười tặng bạn, bạn có thể rộng lượng gửi tặng họ một nụ cười của chính bạn không?*

*…vì không ai cần một nụ cười nhiều bằng người đã không còn một nụ cười nào nữa để cho đi!*

(Trích *Đắc nhân tâm,* Dale Carnegie, NXB Trẻ, 2008, trang 115)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1 *(0.75 điểm).***Trong đoạn trích, tác giả cho rằng nụ cười chỉ có giá trị khi nào?

**Câu 2 *(0.75 điểm)****.*Theo tác giả, ai là người cần nụ cười nhiều nhất?

**Câu 3 *(1.0 điểm).*** Theo anh/chị, vì sao *“Nụ cười không chỉ làm giàu người nhận mà cả người cho”* ?.

**Câu 4 *(0.5 điểm).*** Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy rút ra những thông điệp có ý nghĩa cho bản thân.

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 *(2,0 điểm).***

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về việc làm thế nào để bản thân luôn có một cuộc sống vui vẻ.

**Câu 2 *(5.0 điểm).***

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

*Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.  
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Ðèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
 Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.  
 Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình.  
 Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.*

(Trích *Việt Bắc -*Tố Hữu*, Ngữ văn 12,* Tập một*,*

NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, trang 111)

--------Hết--------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

(*Hướng dẫn chấm này có 03 trang*)

**A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Thầy cô giáo cần nắm vững yêu cầu của *Hướng dẫn chấm* này để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, thầy cô giáo cần linh hoạt trong quá trình chấm, tránh đếm ý cho điểm, khuyến khích những bài viết sáng tạo.

**-** Việc chi tiết hóa điểm số của các câu (nếu có) trong *Hướng dẫn chấm* phải được bàn bạc, thống nhất trong tổ chấm và đảm bảo không sai lệch với tổng điểm toàn bài.

- Bài thi được chấm theo thang điểm 10. Điểm thành phần tính đến 0.25. Điểm tổng toàn bài làm tròn theo quy định.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3,0** | |
|  | **1** | Tác giả cho rằng nụ cười chỉ có giá trị khi: con người chân thành trao tặng cho nhau.  ***Hướng dẫn chấm****:*   * *Thí sinh trả lời được đúng đáp án: 0,75 điểm.*   *- Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.* | 0,75 | |
| **2** | Người cần nhiều nụ cười nhiều nhất là người đã không còn một nụ cười nào nữa để cho đi.  ***Hướng dẫn chấm****:*   * *Thí sinh trả lời được đúng đáp án: 0,75 điểm.*   *- Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.* | 0,75 | |
| **3** | “Nụ cười không chỉ làm giàu người nhận mà cả người cho” vì:  - Người nhận có được tình cảm, sự động viên, khích lệ, sẻ chia của người cho.  - Người cho có được niềm hạnh phúc vì đem đến niềm vui cho người khác, đồng thời cũng nhận được lòng biết ơn, sự trân trọng từ phía người nhận.  ***Hướng dẫn chấm:***   * *Thí sinh trả lời đúng đáp án: 1,0 điểm.* * *Thí sinh chỉ trả lời được 01 ý : 0,5 điểm.* * *Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.*   **Lưu ý:** Thí sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các từ ngữ/ cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa. | 1,0 | |
| **4** | Thông điệp ý nghĩa mà anh/ chị rút ra từ đoạn trích.  Học sinh có thể rút ra những thông điệp khác nhau nhưng phải hợp lý và đảm bảo chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh nêu câu dẫn trả lời và 2 thông điệp chấp nhận được : 0,5 điểm.*  *- Học sinh nêu câu dẫn trả lời và 1 thông điệp chấp nhận được: 0,25 điểm.*  **\* Lưu ý:** *Trừ điểm với những câu trả lời mắc quá nhiều lỗi diễn đạt và chính tả.* | 0,5 | |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7,0** | |
|  | **1.** | **Viết một đoạn văn nghị luậ (khoảng 150 chữ) bàn về việc làm thế nào để bản thân luôn có một cuộc sống vui vẻ.** | ***2,0*** | |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận:* mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. | *0,25* | |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*: ý nghĩa của việc thay đổi bản thân | *0,25* | |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận:*  Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách để làm rõ những việc cần làm để bản thân luôn có một cuộc sống vui vẻ; lập luận phải hợp lí, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Có thể theo hướng:  - Luôn sống tự tin, lạc quan; hướng về những điều tích cực  - Suy nghĩ đơn giản, loại bỏ những bận tâm không cần thiết  - Không đố kị, không so sánh mình với người khác  - Biết chăm lo sức khoẻ của bản thân, tìm cho mình những đam mê có ích  - Đối đãi với mọi người bằng sự tử tế  - Bằng tình yêu thương và sự sẻ chia chân thành; biết tha thứ cho lỗi lầm của bản thân và của người khác…  *….…*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).*  *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 – 0,75 điểm).*  *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).*  **\* Lưu ý:** Học sinh có thể viết ý tương đương hoặc những ý khác nhưng phải hợp lý và đảm bảo chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật. | *1,0* | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt | *0,25* | |
| *e. Sáng tạo:*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | *0,25* | |
| **2.** | **Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:**  ***Ta về, mình có nhớ ta …… Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.***  ***(Trích Việt Bắc -*Tố Hữu)** | ***5,0*** | |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 | |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*: Vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Bắc | 0,25 | |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  | |
| *\** ***Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận*** | 0,5 | |
| * **Khái quát chung về đoạn thơ**   Đoạn thơ tái hiện nỗi nhớ của người về xuôi đối với thiên nhiên và con người Việt Bắc  *\** ***Cảm nhận nội dung và nghệ thuật đoạn thơ:***   * **Nội dung:**   **- Hai câu đầu: Khái quát nỗi nhớ**  Lời ướm hỏi của người ra đi mang theo nỗi nhớ. Nỗi nhớ ấy gắn với thiên nhiên “những hoa”, gắn với con người “cùng người” da diết, cháy bỏng  **- Tám câu sau: Nỗi nhớ gắn 4 mùa Xuân – Hạ - Thu – Đông**  + Câu 3,4:  *“Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*  *Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”*   * Hình ảnh thiên nhiên mùa đông: hùng vĩ, tràn trề sức sống, ấm áp. Nổi bật trên nền xanh rộng lớn của núi rừng là màu đỏ của hoa chuối (màu đỏ hoa chuối gợi liên tưởng đến hình ảnh ngọn đuốc xua đi cái lạnh của của núi rừng mùa đông) và màu vàng của những đốm nắng. * Hình ảnh con người:Khoẻ khoắn, vững chãi, tự tin. Hình ảnh tia nắng ánh lên từ con dao gài thắt lưng gợi dáng vẻ khỏe khoắn, lớn lao của người lao động, với tâm thế làm chủ thiên nhiên, cuộc sống.   + Câu 5, 6  *“Ngày xuân mơ nở trắng rừng*  *Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”*   * Hình ảnh thiên nhiên mùa xuân: thơ mộng, tinh khôi, thanh khiết. Màu trắng tinh khôi của hoa mơ tràn ngập không gian núi rừng, thiên nhiên tràn đầy nhựa sống khi xuân về. * Hình ảnh con người:khéo léo, tài hoa. Người lao động hiện lên với vẻ đẹp tài hoa, khéo léo, tỉ mỉ và cần mẫn: “*chuốt từng sợi giang*”   + Câu 7, 8:  *“Ve kêu rừng phách đổ vàng*  *Nhớ cô em gái hái măng một mình”*   * Hình ảnh thiên nhiên mùa hè: rực rỡ, tươi vui bởi âm thanh sôi động của tiếng ve và sắc vàng của rừng phách. * Hình ảnh con người:cần cù, chịu thương, chịu khó. Hình ảnh cô gái hái măng một mình thể hiện sự chăm chỉ, chịu thương chịu khó của con người Việt Bắc.   + Câu 9, 10:  *“Rừng thu trăng rọi hoà bình*  *Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung”*   * Hình ảnh thiên nhiên mùa thu: thơ mộng, yên bình. Ánh trăng nhẹ nhàng chiếu sáng núi rừng Việt Bắc, đó là ánh sáng của “*hòa bình*”, niềm vui và tự do. * Hình ảnh con người:Con người say sưa cất tiếng hát, mộc mạc, chân thành, có tấm lòng thủy chung, nặng ân tình.   -> Đoạn thơ tái hiện bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người Việt Bắc trong vẻ đẹp hài hoà, nồng thắm mang nét thi vị, độc đáo của vùng đất này.   * **Nghệ thuật** - Sử dụng thể thơ lục bát truyền thống. - Giọng thơ ngọt ngào, tâm tình, tha thiết.   - Lối đối đáp xưng hô “mình – ta”  - Bút pháp hội họa, kết hợp màu sắc hài hòa; hình ảnh gần gũi, giản dị.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Cảm nhận/Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm – 3.0 điểm*  *- Cảm nhận/Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu : 1,25 điểm – 2.25 điểm.*  *- Cảm nhận/Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1.0 điểm.* | | 3.0 |
| ***\* Đánh giá chung:***  Với ngôn từ mộc mạc giản dị kết hợp bút pháp chấm phá, Tố Hữu đã tái hiện bức tranh cảnh vật, con người bằng những ấn tượng đẹp nhất, sâu đậm nhất. Trong đó người và cảnh hòa quyện bồi đắp cho nhau tao nên những vẻ đẹp đáng yêu, đáng nhớ rất khó quên về đất và người Việt Bắc. | 0,5 | |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Lưu ý:*** *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 | |
| *e. Sáng tạo:* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của đoạn trích, biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.* | 0,25 | |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** | |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| 1 | Đọc hiểu | 15 | 10 | 10 | 5 | 5 | 5 |  |  | 4 | 20 | 30 |
| 2 | Viết đoạn văn nghị luận xã hội | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 1 | 20 | 20 |
| 3 | Viết bài văn nghị luận văn học | 20 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 5 | 10 | 1 | 50 | 50 |
| **Tổng** | | 40 | 25 | 30 | 20 | 20 | 30 | 10 | 15 | 6 | 90 | 100 |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 12; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/**  **kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | | | **Tổng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |  | | |
| 1 | ĐỌC HIỂU | Nghị luận hiện đại  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Nhận diện phương thức biểu đạt  **-** Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. | 2 | 1 | 1 | 0 | | 4 | | |
|  |  |  | |
| 2 | VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI  (khoảng 150 chữ) | Nghị luận về tư tưởng, đạo lí | **Nhận biết:**  - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | | 1\* | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  | | |
| 3 | VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC |  |  |  |  |  |  | | 1\* | | |
| Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:  *- Việt Bắc* (trích) của Tố Hữu  - Đất Nước ( Nguyễn Khoa điềm) | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.  - Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...  - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam 1945 - 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | | **6** | | |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** | | **100** | | |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | | **100** | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  TỔ NGỮ VĂN- TIẾNG ANH | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  NĂM HỌC 2023-2024  MÔN: NGỮ VĂN 12 |

**1. Hình thức đề kiểm tra: Tự luận.** Thời gian kiểm tra: 90 phút.

**2. Cấu trúc đề và ma trận đề kiểm tra:**

**2.1. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Làm văn**

- Đọc hiểu (3,0 điểm) gồm 4 câu hỏi/yêu cầu: nhận biết (2 câu: 1,5 điểm), thông hiểu (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng/vận dụng cao (1 câu: 0,5 điểm).

- Làm văn (7,0 điểm) gồm 2 câu hỏi/yêu cầu:

+ Câu nghị luận xã hội (2.0 điểm): Viết đoạn văn; phân chia các mức như sau: nhận biết (0,5 điểm); thông hiểu (1,0 điểm); vận dụng (0,5 điểm).

+ Câu nghị luận văn học (5,0 điểm): Viết bài văn; phân chia các mức như sau: nhận biết (2,0 điểm); thông hiểu (1,0 điểm); vận dụng (1,0 điểm), vận dụng cao (1,0 điểm).

**2.2. Ma trận đề kiểm tra:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức, kĩ năng[[1]](#footnote-1)** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **Đọc hiểu** |  |  | | | | |
| Số câu |  | 2 | 1 | 1 | 0 | 4 |
| Tỉ lệ % điểm | | *15* | *10* | *5* |  | *30* |
| **2** | **Viết** |  |  | | | | |
| Số câu | **NLXH** (Viết đoạn văn) | 1\* | 1\* | 1\* |  | 1 |
| Tỉ lệ % điểm | | *5* | *10* | *5* |  | *20* |
| Số câu | **NLVH** (Viết bài văn) | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 1 |
| Tỉ lệ % điểm | | *20* | *10* | *10* | *10* | *50* |
| **Tỉ lệ % điểm các mức độ** | | | **70** | | **30** | | **100** |

**3. Nội dung kiểm tra:**

- Ngữ liệu đọc hiểu: Ngữ liệu đọc hiểu là các văn bản ngoài sách giáo khoa có hình thức thể loại, mức độ kiến thức tương đương với các loại văn bản đã học, chứa đựng các thông tin, nội dung cần kiểm tra phù hợp với chương trình Ngữ văn của lớp học tính đến thời điểm kiểm tra.

- Phần Làm văn, lựa chọn kiểu bài làm văn phù hợp với chương trình tính đến thời điểm kiểm tra và mục đích kiểm tra.

+ Đọc hiểu: Các thể loại chọn làm ngữ liệu: ***Nghị luận, Tùy bút***.

+ Làm văn:

++ Viết đoạn NLXH: Vấn đề phù hợp với HS THPT

++ Viết bài văn NLVH : Chọn đoạn trích từ bài ***Việt Bắc, Đất Nước, Người lái đò Sông Đà***.

1. Nội dung kiểm tra phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình được thể hiện trong SGK được giới hạn đến thời điểm tổ chức kiểm tra định kì (giữa kì, cuối kì) [↑](#footnote-ref-1)